

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng, nâng cấp Bệnh viện 71 Trung ương quy mô 500 giường bệnh; Quyết định số 3724/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng cải tạo, mở rộng, nâng cấp Bệnh viện 71 Trung ương quy mô 500 giường bệnh;

Căn cứ Quyết định số 4904/QĐ-BYT ngày 22/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị Bệnh viện 71 Trung ương;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 359/MT-QTHC ngày 26/9/2022 của Bệnh viện 71 Trung Ương về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện 71 Trung ương tại phường Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 45/TTr-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện 71 Trung ương, địa chỉ tại: phường Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện 71 Trung ương quy mô 500 giường điều trị nội trú tại phường Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện 71 Trung ương quy mô 500 giường điều trị nội trú.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Quảng Tâm, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Quyết định số 621/QĐ -TTg ngày 18/04/2006 về việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế ngoài Nghị định số 49/2003/NĐ-CP ngày 15/5/2003.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, kinh doanh, dịch vụ: Y tế.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô 500 giường điều trị nội trú.

- Cơ sở có tiêu chí môi trường nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện 71 Trung ương

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện 71 Trung ương có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 30 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 01 năm 2033).

Giấy phép môi trường thành phần gồm Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT số 327/GXN-UBND ngày 17/8/2015; Điều chỉnh Giấy xác nhận số 47/GXN-UBND ngày 03/2/2016; Giấy phép xả nước thải số 275/GP-UBND ngày 07/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện 71 Trung Ương;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh nước thải bệnh viện, bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân có lưu lượng 105,5 m³/ngày.đêm. Trong đó:

+ Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh phòng bệnh có lưu lượng 74,25 m³/ngày.đêm được thu gom qua các đường ống, tuyến mương có bố trí các hố ga lắng cặn sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 700 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải nhà vệ sinh tại các khu nhà có lưu lượng 29,7 m³/ngày.đêm được xử lý sơ bộ trong các bể tự hoại, sau đó thu gom qua các đường ống, tuyến mương dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 700 m³/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải từ khu vực nhà ăn có lưu lượng 1,5m³/ngày.đêm được thu gom qua bể tách dầu mỡ sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 700 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ quá trình rửa vết thương, lau chùi các dụng cụ y tế, phẫu thuật, từ các phòng xét nghiệm...có lưu lượng 44,55 m³/ngày.đêm được thu gom qua các đường ống, tuyến mương kín sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 700 m³/ngày.đêm để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước khu vực phường Quảng Tâm (phía Bắc bệnh viện) tại 1 cửa xả sau đó dẫn ra Sông Thống Nhất.

2.2. Vị trí xả thải:

- Tọa độ cửa xả ra mương thoát nước khu vực phường Quảng Tâm (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°) như sau :

X = 2185954; Y = 588075.

- Tọa độ vị trí xả thải từ mương thoát nước chung ra sông Thống Nhất (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°) như sau:

X = 2186650; Y = 588688.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 150m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải bệnh viện sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung được dẫn ra hồ điều hòa rồi xả ra mương tiêu thoát nước chung khu vực thôn Thanh Tâm, phường Quảng Tâm (phía Bắc bệnh viện) và dẫn ra sông Thống Nhất.

- Hình thức xả: tự chảy tràn.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B; K= 1,0). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị tối hạn cho phép	Quan trắc tự động, liên tục, định kỳ
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục, định kỳ (theo quy định tại khoản 2, 3, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)..
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5000	
11	Samonella	VK/100ml	KPH	
12	Shigella	VK/100ml	KPH	
13	Vibrio Cholerae	VK/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn và nước thải y tế được thu gom, xử lý sơ bộ qua các bể phốt, bể tự hoại, hố gas để lắng cặn sau đó thu gom bằng hệ thống đường ống u.PVC D110, D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 700m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các khoa phòng → Hệ thống thu gom → Bể gom → Bể điều hòa → Cụm 7 thiết bị hợp khối (Song chắn rác → Ngăn đệm vi sinh lưu động → Ngăn vật liệu lọc vi sinh → Ngăn chứa nước sau lọc vi sinh → Ngăn khử trùng → Hồ điều hòa → Mương thoát nước chung của khu vực.

- Công suất xử lý tối đa: 700 m³/ngày.đêm (*thiết bị xử lý hợp khối FRP KUBOTA của Nhật Bản*).

- Hóa chất sử dụng: NaClO.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý nước thải gồm: máy bơm, bơm định lượng và thiết bị. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố trong hệ thống xử lý nước thải.

1.4.2. Hệ thống xử lý nước thải gồm 7 modul xử lý song song, độc lập, nếu 1 trong 7 modul bị hư hỏng thì nước thải sẽ được tập trung xử lý tại các modul còn lại, đối với modul hỏng, thực hiện khóa van để nước không chảy vào, đồng thời tiến hành sửa chữa hoặc thay thế nhanh chóng thiết bị trong thời gian sớm nhất.

1.4.3. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

1.4.4. Định kỳ thực hiện, duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Bệnh viện phải dừng ngay hoạt động khu vực có sự cố về môi trường và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa, UBND phường Quảng Tâm để được hướng dẫn, giải quyết, khắc phục; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm về môi trường theo quy định của pháp luật.

3.2. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có hoạt động xả nước thải ra môi trường có chứa các thông số ô nhiễm vượt QCCP.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra của hệ thống xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (không thường xuyên).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°)

- Vị trí: Ống thoát khí của máy phát điện dự phòng với tọa độ:

X = 2184377.63; Y = 587692.51.

2.2. Lưu lượng xả khí thải:

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 2.761 m³/h.

2.3. Phương thức xả khí thải:

- Phương thức xả khí thải: Gián đoạn (chỉ xả thải khi máy phát điện vận hành).

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:

- Khí thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, Kp = 1,0 và Kv = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	400	
3	NO _x	mg/Nm ³	680	
4	CO	mg/Nm ³	800	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Khí thải của máy phát điện dự phòng khi hoạt động, nhà sản xuất đã tích hợp hệ thống xử lý khí thải động cơ diesel trong hệ thống ống thoát khí thải động cơ kèm theo máy để đảm bảo khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Quy trình xử lý: Khí thải → Thiết bị lọc khí → Khí sạch xả ra môi trường.

1.2.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.2.3. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải của máy phát điện dự phòng, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

1.3.2. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị, sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành máy phát điện đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2 phần A của Phụ lục 2.

3.2. Thực hiện vận hành máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thay thế thiết bị cho hệ thống xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí (cho Hệ thống xử lý nước thải tập trung).
- Nguồn số 02: Máy bơm nước thải đầu vào (Hệ thống xử lý nước thải tập trung).
- Nguồn số 03: Máy bơm xả nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung).
- Nguồn số 04: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°
múi chiều 3°):

STT	Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Máy thổi khí Hệ thống XLNT tập trung	X = 2184388.67; Y= 587670.76
2	Máy bơm nước thải đầu vào	X = 2184397.42; Y= 587652.43
3	Máy bơm xả nước thải	X = 2183524.46; Y= 587552.71
4	Máy phát điện dự phòng	X = 2184389.62; Y= 587689.85

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ(dBA)		
1	70	55	-	Khu vực Bệnh viện

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	60	55	-	Khu vực Bệnh viện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

1.2. Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực khám chữa bệnh. Khoảng cách đến các công trình trên tối thiểu là 10m.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải nguy hại lây nhiễm	130101	10.402
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	73
3	Vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.	130103	335
4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân (Hg) và Cadimi (Cd)	13 03 02	140
5	Bùn thải Hệ thống XLNT tập trung	10 02 03	27.375
Tổng			38.325

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt (thực phẩm thừa, vỏ rau quả, túi nilon,...)	180,675
Tổng		180,675

1.3. Khối lượng chất thải rắn tái chế

TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa, giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng catton...	1,825
Tổng		1,825

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải nguy hại lây nhiễm: Đựng trong 6 thùng Composite màu vàng 120 lít và 1 tủ bảo ôn.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Đựng trong 01 thùng Composite màu đen 120 lít.

+ Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải được lưu tại các bể chứa bùn tại Trạm xử lý nước thải tập trung. Bể chứa bùn gồm 3 bể, thể tích mỗi bể $38,7\text{m}^3/\text{bể}$ (Dài x rộng x cao = $3\text{m} \times 3\text{m} \times 4,3\text{m}$).

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực chứa chất thải y tế nguy hại có diện tích $46,7\text{ m}^2$, nền bê tông chống thấm, tường xây gạch, mái tôn, bên ngoài cửa có biển chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn tái chế:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Đựng trong các túi nilong màu trắng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu chứa chất thải tái chế của bệnh viện có diện tích khoảng 20 m^2 nền bê tông chống thấm, tường xây gạch, lợp mái tôn, chia làm 2 khu vực: Khu vực chứa chai lọ thủy tinh, khu vực chứa chai nhựa, dây dẫn...

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Khu vực văn phòng: 20 thùng màu xanh 120 lít; 55 thùng màu xanh 10 lít.
- Khu vực các nhà điều trị: 120 Thùng màu xanh 10 lít.
- Khu vực hành lang: 40 thùng Composite màu xanh 120 lít; 25 thùng Composite màu xanh 240 lít.
- Khu vực nhà vệ sinh: 45 thùng màu xanh 30 lít.
- Khu vực nhà ăn : 2 thùng màu xanh 60 lít.
- Khu vực sân đường: 4 thùng Composite màu xanh 180 lít.
- Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt: thu gom rác vào 7 xe tôn có bánh xe dung tích $0,5\text{m}^3/\text{xe}$.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu tập kết chất thải sinh hoạt có diện tích 30m^2 , lợp mái tôn, nền bê tông.

Tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt: vệ sinh và phun khử mùi hằng ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải.

- Hệ thống xử lý nước thải gồm 7 modul xử lý song song, độc lập, nếu 1 trong 7 modul bị hư hỏng thì nước thải sẽ được tập trung xử lý tại các modul còn lại, đối

với modul hỏng sẽ được đóng khóa van để nước không chảy vào, đồng thời tiến hành sửa chữa hoặc thay thế nhanh chóng thiết bị trong thời gian sớm nhất.

- Bệnh viện có 2 máy phát điện dự phòng, khi hệ thống xử lý khí thải của 1 máy hỏng sẽ dừng vận hành máy này và vận hành máy còn lại, đồng thời sửa chữa, khắc phục ngay hệ thống xử lý khí thải của máy bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường;

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHI ĐƯỢC CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG HẠNG MỤC NHÀ ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ G3.

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

- Sử dụng các tuyến mương thoát nước mưa tạm trong khu vực thi công xây dựng dẫn nước mưa thoát ra hồ điều hòa của bệnh viện, trên tuyến mương bố trí hố lắng nước mưa trước khi thoát ra hồ điều hòa.

- Tập kết vật liệu thi công xây dựng theo khối lượng đủ sử dụng để tránh bị nước mưa cuốn trôi làm thất thoát vật liệu và ách tắc hệ thống thoát nước hiện có của bệnh viện.

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Công nhân sử dụng 2 nhà vệ sinh cạnh khoa dinh dưỡng của bệnh viện. Toàn bộ nước thải thu gom cùng với nước thải khu vực hiện trạng về xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

3. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Thu gom về 01 bể lắng có dung tích khoảng 1m³ (có lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm tại khu vực lán trại để xử lý). Nước thải sau khi được tái sử dụng một phần để tưới nước giảm bụi tại khu vực công trường, phần còn lại thoát ra môi trường.

4. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

- Phun nước làm ẩm tuyến đường vận chuyển ra vào khu vực dự án, nguồn nước tưới giảm thiểu bụi lấy từ nguồn nước máy hiện có của bệnh viện.

- Các phương tiện thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp dựng rào tôn chiều cao 2,5m dài 180 m che chắn khu vực xây dựng đồng thời ngăn cản bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

- Dùng lưới chắn bụi chất liệu HDPE, diện tích 2720m² bao xung quanh công trình xây dựng bắt đầu khi xây dựng từ tầng 2 trở lên để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh, đồng thời đảm bảo an toàn lao động.

5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

5.1. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công có khối lượng 16 kg/ngày, thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Trang bị 01 thùng nhựa có thể tích $V = 60$ lít, có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom chất thải.

- Cuối ngày thu gom chất thải và vận chuyển về khu vực chứa rác thải sinh hoạt của bệnh viện đưa đi xử lý cùng.

5.2. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng:

- Chất thải rắn như bao bì xi măng, bìa cattông, các mẫu sắt thừa,...thu gom hàng ngày vào các bao bì đặt trong nhà kho chứa vật liệu, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Phế thải do phá dỡ các công trình cũ, chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển xử lý.

6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 01 thùng chuyên dụng có thể tích 200 lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại, bên ngoài thùng có dán biển cảnh báo chất thải nguy hại.

Hợp đồng đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt,

chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.